VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

CHÍNH PHỦ

CHÍNH PHỦ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 221/2025/NĐ-CP	*Hà Nội, ngày 08 tháng 8 năm 2025*

NGHỊ ĐỊNH
Quy định về việc miễn thị thực có thời hạn cho người nước ngoài thuộc diện đối tượng đặc biệt cần ưu đãi phục vụ phát triển kinh tế - xã hội

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;

Căn cứ Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam số 47/2014/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 51/2019/QH14 và Luật số 23/2023/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 227/2025/QH15 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV, Kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 27 tháng 6 năm 2025;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Công an;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định về việc miễn thị thực có thời hạn cho người nước ngoài thuộc diện đối tượng đặc biệt cần ưu đãi phục vụ phát triển kinh tế - xã hội.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định về đối tượng, tiêu chí, điều kiện, thời hạn miễn thị thực và cách thức thực hiện miễn thị thực cho người nước ngoài thuộc diện đối tượng đặc biệt cần ưu đãi nhập cảnh Việt Nam phục vụ phát triển kinh tế - xã hội.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Người nước ngoài thuộc các trường hợp sau:

a) Khách mời của Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, Chủ tịch nước, Chủ tịch Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ, Thường trực Ban Bí thư Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, Phó Chủ tịch nước, Phó Chủ tịch Quốc hội, Phó Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát

nhân dân tối cao, Tổng Kiểm toán nhà nước, Bộ trưởng và tương đương, Bí thư tỉnh ủy, Bí thư thành ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố;

b) Các học giả, chuyên gia, nhà khoa học, giáo sư các trường đại học, viện nghiên cứu; tổng công trình sư; nhân lực công nghiệp công nghệ số chất lượng cao;

c) Nhà đầu tư, lãnh đạo tập đoàn, lãnh đạo doanh nghiệp lớn trên thế giới;

d) Người hoạt động trong các lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật, thể thao, du lịch có ảnh hưởng tích cực đối với công chúng;

đ) Lãnh sự danh dự Việt Nam ở nước ngoài;

e) Khách mời của các viện nghiên cứu, trường đại học, đại học, doanh nghiệp lớn. Trên cơ sở đề nghị của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chính phủ quyết định danh sách các viện nghiên cứu, trường đại học, đại học, doanh nghiệp lớn được mời người nước ngoài;

g) Các trường hợp khác cần ưu đãi miễn thị thực vì mục đích đối ngoại hoặc phục vụ phát triển kinh tế - xã hội do Bộ trưởng Bộ Công an quyết định trên cơ sở đề nghị của các cơ quan, tổ chức.

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 3. Tiêu chí và điều kiện miễn thị thực

1. Trường hợp quy định tại các điểm b, c, d, đ và e khoản 1 Điều 2 Nghị định này phải đáp ứng tiêu chí xác định đối tượng đặc biệt cần ưu đãi miễn thị thực nhập cảnh Việt Nam theo Danh mục tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Nghị định này. Chính phủ quyết định sửa đổi, bổ sung Danh mục tiêu chí xác định đối tượng đặc biệt cần ưu đãi miễn thị thực nhập cảnh Việt Nam phục vụ phát triển kinh tế - xã hội.

2. Điều kiện miễn thị thực:

a) Có hộ chiếu còn giá trị sử dụng;

b) Đối với trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều 2 Nghị định này: Có thông báo của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền theo mẫu NA-01 tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Nghị định này;

c) Đối với trường hợp quy định tại các điểm b, c, d, đ khoản 1 Điều 2 Nghị định này: Có văn bản đề nghị của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ hoặc cơ quan Đảng, Quốc hội theo mẫu NA-02 tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Nghị định này;

d) Đối với trường hợp quy định tại điểm e và điểm g khoản 1 Điều 2 Nghị định này: Có văn bản đề nghị của cơ quan, tổ chức có liên quan theo mẫu NA-02 tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Nghị định này;

đ) Không thuộc các trường hợp chưa cho nhập cảnh và tạm hoãn xuất cảnh theo quy định của Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam.

Điều 4. Hình thức và giá trị sử dụng của thẻ miễn thị thực đặc biệt

1. Thẻ miễn thị thực đặc biệt cấp cho người nước ngoài được ưu đãi miễn thị thực nhập cảnh Việt Nam phục vụ phát triển kinh tế - xã hội.

2. Thẻ miễn thị thực đặc biệt có hai dạng là thẻ điện tử và thẻ cứng có gắn chip. Thẻ miễn thị thực đặc biệt dạng điện tử và thẻ miễn thị thực đặc biệt dạng cứng có gắn chíp có giá trị pháp lý như nhau. Cơ quan, tổ chức có quyền lựa chọn cấp thẻ miễn thị thực đặc biệt dạng điện tử hoặc thẻ miễn thị thực đặc biệt dạng cứng có gắn chip cho người nước ngoài.

3. Thẻ miễn thị thực đặc biệt dạng cứng có gắn chíp được cấp trong trường hợp người nước ngoài đang ở Việt Nam; đã có thông tin sinh trắc học về vân tay và ảnh khuôn mặt trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về xuất nhập cảnh hoặc có tài khoản định danh điện tử mức độ 02; được miễn thị thực với thời hạn từ 03 năm trở lên. Thông tin lưu trữ trong chíp điện tử được mã hóa gồm: họ tên; ngày, tháng, năm sinh; giới tính; quốc tịch; số, ký hiệu, ngày, tháng, năm và nơi cấp của hộ chiếu; ảnh khuôn mặt; vân tay; số định danh của người nước ngoài (nếu có).

4. Người nước ngoài sử dụng thẻ miễn thị thực đặc biệt được nhập cảnh Việt Nam nhiều lần trong thời hạn miễn thị thực. Thời hạn miễn thị thực không quá 05 năm và ngắn hơn thời hạn còn lại của hộ chiếu ít nhất 30 ngày.

5. Người nước ngoài được cơ quan, tổ chức đề nghị ưu đãi miễn thị thực nhập cảnh Việt Nam phục vụ phát triển kinh tế - xã hội được xem xét cấp tài khoản định danh điện tử mức độ 02 theo nhu cầu.

Điều 5. Trình tự tiếp nhận, giải quyết đề nghị cấp thẻ miễn thị thực đặc biệt

1. Cơ quan, tổ chức quy định tại các điểm b, c và d khoản 2 Điều 3 Nghị định này gửi thông báo, văn bản đề nghị theo mẫu kèm bản chụp trang nhân thân hộ chiếu trực tiếp hoặc trên môi trường điện tử đến Bộ Công an (Cục Quản lý xuất nhập cảnh).

2. Bộ Công an (Cục Quản lý xuất nhập cảnh) xem xét cấp thẻ miễn thị thực đặc biệt dạng điện tử theo mẫu NC-01 và thông báo cơ quan, tổ chức về địa chỉ truy cập để nhận thẻ miễn thị thực đặc biệt dạng điện tử theo mẫu NB-01 hoặc cấp thẻ miễn thị thực đặc biệt dạng cứng có gắn chip theo mẫu NC-02 tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Nghị định này; trường hợp không cấp thì trả lời cơ quan, tổ chức bằng văn bản, nêu rõ lý do.

3. Thời hạn giải quyết:

a) Trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đề nghị đối với trường hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều 3 Nghị định này;

b) Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đề nghị đối với trường hợp quy định tại điểm c và điểm d khoản 2 Điều 3 Nghị định này;

c) Trong thời hạn không quá 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đề nghị đối với trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị định này.

Điều 6. Cấp chứng nhận tạm trú, kiểm soát nhập cảnh và hủy giá trị sử dụng thẻ miễn thị thực đặc biệt

1. Người nước ngoài sử dụng thẻ miễn thị thực đặc biệt được cấp chứng nhận tạm trú 90 ngày cho mỗi lần nhập cảnh, trường hợp thời hạn thẻ miễn thị thực đặc biệt ngắn hơn 90 ngày thì cấp chứng nhận tạm trú bằng thời hạn thẻ miễn thị thực đặc biệt; nếu có nhu cầu tiếp tục ở lại Việt Nam thì được xem xét gia hạn tạm trú hoặc cấp thị thực hoặc cấp thẻ tạm trú theo quy định của Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam.

2. Người nước ngoài xuất trình hộ chiếu và thẻ miễn thị thực đặc biệt cho đơn vị kiểm soát xuất nhập cảnh khi làm thủ tục nhập cảnh.

3. Đơn vị kiểm soát xuất nhập cảnh có trách nhiệm kiểm tra hộ chiếu, thông tin, dữ liệu thẻ miễn thị thực đặc biệt và giải quyết nhập cảnh, cấp chứng nhận tạm trú theo quy định tại khoản 1 Điều 6 Nghị định này.

4. Bộ Công an (Cục Quản lý xuất nhập cảnh) hủy giá trị sử dụng thẻ miễn thị thực đặc biệt trong các trường hợp người nước ngoài không đáp ứng tiêu chí và điều kiện miễn thị thực theo quy định tại Điều 3 Nghị định này hoặc có thông báo bằng văn bản của cơ quan, tổ chức theo quy định tại khoản 2 Điều 7 Nghị định này.

Điều 7. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức đề nghị miễn thị thực cho người nước ngoài thuộc diện đối tượng đặc biệt cần ưu đãi

1. Cơ quan, tổ chức đề nghị miễn thị thực nhập cảnh Việt Nam cho người nước ngoài phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, phạm vi, lĩnh vực hoạt động, bảo đảm các tiêu chí và chịu trách nhiệm đối với đề nghị miễn thị thực cho người nước ngoài theo Nghị định này.

2. Cơ quan, tổ chức làm thủ tục đề nghị miễn thị thực nhập cảnh Việt Nam cho người nước ngoài theo quy định của Nghị định này; phối hợp với cơ quan chức năng của Việt Nam giải quyết những vấn đề phát sinh liên quan đến người nước ngoài đã đề nghị ưu đãi miễn thị thực; thông báo bằng văn bản cho Bộ Công an (Cục Quản lý xuất nhập cảnh) về việc người nước ngoài có thẻ miễn thị thực đặc biệt còn giá trị nhưng cơ quan, tổ chức không còn nhu cầu đề nghị ưu đãi miễn thị thực hoặc người nước ngoài không còn bảo đảm tiêu chí theo quy định của Nghị định này.

Điều 8. Hiệu lực thi hành và trách nhiệm thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 8 năm 2025.

2. Giao Bộ trưởng Bộ Công an quyết định việc sửa đổi, bổ sung các biểu mẫu tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Nghị định này trong trường hợp cần thiết.

3. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

TM. CHÍNH PHỦ
KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG

Nguyễn Hòa Bình

Phụ lục I
DANH MỤC TIÊU CHÍ XÁC ĐỊNH ĐỐI TƯỢNG ĐẶC BIỆT CẦN ƯU ĐÃI MIỄN THỊ THỰC NHẬP CẢNH VIỆT NAM PHỤC VỤ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI
(Kèm theo Nghị định số 221/NĐ-CP ngày 08 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ)

I. Người nước ngoài là nhà đầu tư, lãnh đạo tập đoàn, doanh nghiệp lớn trên thế giới

TT	Đối tượng ưu đãi	Tiêu chí
	Người nước ngoài là nhà đầu tư hoặc lãnh đạo của các tập đoàn, doanh nghiệp lớn trên thế giới	Tập đoàn, doanh nghiệp thuộc danh sách 100 doanh nghiệp có giá trị vốn hóa lớn nhất thế giới do các tổ chức quốc tế uy tín công bố hằng năm.

II. Nhóm đối tượng là các chuyên gia, giáo sư, học giả, nhà nghiên cứu, nhà khoa học, tổng công trình sư, nhân lực công nghiệp công nghệ số chất lượng cao

TT	Đối tượng ưu đãi	Tiêu chí
01	**Chuyên gia, giáo sư, học giả, nhà nghiên cứu**	
	Chuyên gia, nhà nghiên cứu trong các lĩnh vực STEM, kinh tế, quản lý, quản trị kinh doanh được mời tham gia Hội thảo, giảng dạy hoặc tham gia các đề tài nghiên cứu chung tại các cơ sở giáo dục đại học	Có trình độ tiến sĩ trở lên và có quốc tịch thuộc các nước OECD.
	Chuyên gia, các nhà nghiên cứu, trong lĩnh vực y tế, khoa học sức khỏe	Có trình độ tiến sĩ trở lên; được mời tham gia Hội nghị, hội thảo, giảng dạy, tham gia các đề tài nghiên cứu hoặc làm việc tại các viện, bệnh viện, trường đại học y, dược uy tín tại Việt Nam

TT	Đối tượng ưu đãi	Tiêu chí
	Chuyên gia, học giả, nhà nghiên cứu, phê bình lý luận về nghệ thuật, giảng viên, giáo sư, diễn giả, điều phối viên trong lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật và du lịch	Là thành viên chính thức của các tổ chức học thuật, nghiên cứu, cơ sở đào tạo quốc tế uy tín trong lĩnh vực chuyên môn hoặc là quan chức/cán bộ/chuyên gia của các tổ chức chuyên môn, các cơ quan và tổ chức quốc tế đối tác liên quan được mời tham gia các hội nghị, hội thảo, diễn đàn, cuộc thi, liên hoan phim, sự kiện quốc tế, chương trình nghiên cứu, đào tạo, tập huấn tại Việt Nam, tham gia giám sát, hướng dẫn việc thực hiện các Công ước quốc tế, Chương trình Ký ức Thế giới của UNESCO, công nhận các di tích tiêu biểu của Việt Nam là di sản thế giới.
02	**Nhà khoa học, tổng công trình sư, nhân lực công nghiệp công nghệ số chất lượng cao**	
	Nhà khoa học trên lĩnh vực khoa học - kỹ thuật	Đạt Giải thưởng quốc tế uy tín về khoa học - kỹ thuật được công nhận.
	Nhà khoa học có chuyên môn, thành tích vượt trội và có tiềm năng đóng góp cao cho nền khoa học, công nghệ của Việt Nam	- Có công bố khoa học với chỉ số ảnh hưởng cao trong các tạp chí quốc tế; - Được cấp nhiều bằng sáng chế có chất lượng hoặc có các công nghệ quan trọng chuyển giao thành công hoặc dẫn dắt thành công các dự án nghiên cứu quan trọng có tác động lớn.
	Nhà khoa học y tế, khoa học sức khỏe	Đạt giải thưởng quốc tế uy tín về y tế, khoa học sức khỏe được công nhận.
	Tổng công trình sư	Đáp ứng tiêu chí, tiêu chuẩn "Tổng công trình sư" theo quy định của pháp luật (Luật Khoa học, công nghệ và Đổi mới sáng tạo, Luật Công nghiệp Quốc phòng, An ninh và Động viên công nghiệp...).

TT	Đối tượng ưu đãi	Tiêu chí
	Nhân lực công nghiệp công nghệ số chất lượng cao	Đáp ứng tiêu chí, tiêu chuẩn "Nhân lực công nghiệp công nghệ số chất lượng cao" theo quy định của pháp luật về công nghiệp công nghệ số.

III. Nhóm đối tượng là người hoạt động trong các lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật, thể thao, du lịch có ảnh hưởng tích cực đối với công chúng

TT	Đối tượng ưu đãi	Tiêu chí
01	**Người hoạt động trong lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật**	
	Nghệ sĩ, nhà sản xuất phim, đạo diễn, diễn viên, nhà hoạt động điện ảnh, thành viên đoàn phim, nhà sản xuất âm nhạc, nhạc công, nhạc sĩ, ca sĩ, nhà sản xuất chương trình, họa sĩ, nhiếp ảnh gia	- Có thành tích, đã đạt giải thưởng quốc tế hoặc có uy tín, có sự công nhận rộng rãi, có tầm ảnh hưởng thuộc lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật biểu diễn, điện ảnh, âm nhạc, mỹ thuật, nhiếp ảnh. - Có thư mời/văn bản cấp phép/tiếp nhận của Cơ quan có thẩm quyền thuộc Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch mời sang Việt Nam để tham gia, thực hiện các hoạt động văn hóa, nghệ thuật, giáo dục đào tạo trong lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật biểu diễn, điện ảnh, âm nhạc, mỹ thuật, nhiếp ảnh.
02	**Người hoạt động trong lĩnh vực thể thao**	
	Cầu thủ bóng đá quốc tế đạt danh hiệu cao nhất do Liên đoàn Bóng đá quốc tế (FIFA), Liên đoàn Bóng đá Châu Á (AFC) bình chọn, công nhận	Đạt danh hiệu xuất sắc nhất (Quả Bóng vàng, Chiếc Giầy vàng, Cầu thủ xuất sắc nhất, Thủ môn xuất sắc nhất, Tiền đạo ghi nhiều bàn thắng nhất...) do FIFA, AFC công nhận.
	Cầu thủ bóng đá xuất sắc trên thế giới	- Thuộc danh sách 100 cầu thủ bóng đá xuất sắc nhất do các tổ chức quốc tế uy tín công bố hằng năm. - Được câu lạc bộ bóng đá chuyên nghiệp trong nước mời vào thi đấu, giao lưu...

TT	Đối tượng ưu đãi	Tiêu chí
	Vận động viên đạt huy chương tại Olympic, Paralympic, ASIAD, Asian Para Games	Vận động viên đạt huy chương vàng, bạc, đồng tại Olympic, Paralympic, ASIAD, Asian Para Games.
	Chuyên gia, huấn luận viên, vận động viên, trọng tài, thành viên các đoàn thể thao nước ngoài tham gia Đại hội Thể thao cấp khu vực, châu lục và Thế giới do Việt Nam đăng cai tổ chức	Có thẻ Đại hội do Ban tổ chức Đại hội cấp để vào Việt Nam tham dự Đại hội Thể thao cấp khu vực, châu lục và Thế giới do Việt Nam đăng cai tổ chức.
03	**Người hoạt động trong lĩnh vực du lịch**	
	Đại sứ du lịch Việt Nam tại các nước	Có Quyết định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch bổ nhiệm làm Đại sứ Du lịch của Việt Nam tại nước ngoài.
	Nhà sản xuất nội dung chuyên về quảng bá văn hóa, du lịch, ẩm thực, làng nghề	- Sản xuất nội dung chuyên về quảng bá văn hóa, du lịch, ẩm thực, làng nghề,... đạt 1.000.000 lượt theo dõi trên các nền tảng mạng xã hội. - Có hoạt động truyền thông, quảng bá tích cực về du lịch Việt Nam hoặc cam kết sản xuất nội dung liên quan đến Việt Nam trong chuyến đi. Có kế hoạch nội dung cụ thể, được cơ quan chức năng Việt Nam xác nhận. - Không có hành vi, phát ngôn công khai gây ảnh hưởng tiêu cực đến hình ảnh quốc gia Việt Nam.

IV. Nhóm đối tượng là Lãnh sự danh dự Việt Nam ở nước ngoài

TT	Đối tượng ưu đãi	Tiêu chí
01	Lãnh sự danh dự Việt Nam ở nước ngoài	- Người nước ngoài là Lãnh sự danh dự của Việt Nam theo quy định tại Luật Cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài năm 2009, sửa đổi, bổ sung năm 2017 và Thông tư số 01/2020/TT-BNG của Bộ Ngoại giao về Lãnh sự danh dự nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. - Có quyết định bổ nhiệm là Lãnh sự danh dự Việt Nam ở nước ngoài của cơ quan, người có thẩm quyền.

V. Nhóm đối tượng là khách mời của các viện nghiên cứu, trường đại học, đại học, doanh nghiệp lớn

TT	Đối tượng ưu đãi	Tiêu chí
01	Khách mời của các viện nghiên cứu, trường đại học, đại học, doanh nghiệp lớn	- Là khách mời của các viện nghiên cứu, trường đại học, đại học, doanh nghiệp thuộc danh sách do Chính phủ quyết định. - Đáp ứng một trong các tiêu chí thuộc các nhóm đối tượng I, II, III và IV của Danh mục này.

Phụ lục II
CÁC BIỂU MẪU
(Kèm theo Nghị định số 221/NĐ-CP ngày 08 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ)

Mẫu NA-01	Văn bản thông báo của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền về việc đề nghị xem xét cấp thẻ miễn thị thực đặc biệt cho người nước ngoài thuộc đối tượng ưu đãi nhập cảnh Việt Nam
Mẫu NA-02	Văn bản đề nghị của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền về việc xem xét cấp thẻ miễn thị thực đặc biệt cho người nước ngoài thuộc đối tượng ưu đãi nhập cảnh Việt Nam
Mẫu NB-01	Thông báo cơ quan, tổ chức về việc cấp thẻ miễn thị thực đặc biệt dạng điện tử cho người nước ngoài thuộc đối tượng ưu đãi nhập cảnh Việt Nam
Mẫu NC-01	Thẻ miễn thị thực đặc biệt dạng điện tử
Mẫu NC-02	Thẻ miễn thị thực đặc biệt dạng cứng có gắn chíp

Mẫu NA-01. Văn bản thông báo của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền về việc đề nghị xem xét cấp thẻ miễn thị thực đặc biệt cho người nước ngoài thuộc đối tượng ưu đãi nhập cảnh Việt Nam

.....(1) Trụ sở tại:..... Điện thoại:..... Địa chỉ email:..... Số:..... V/v đề nghị cấp thẻ miễn thị thực đặc biệt cho người nước ngoài thuộc đối tượng ưu đãi nhập cảnh Việt Nam	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** *....., ngày..... tháng..... năm.....*

Kính gửi: **CỤC QUẢN LÝ XUẤT NHẬP CẢNH (BỘ CÔNG AN)**

Căn cứ quy định tại Nghị định số...../NĐ-CP ngày..... của Chính phủ về việc miễn thị thực có thời hạn cho người nước ngoài thuộc diện đối tượng đặc biệt cần ưu đãi phục vụ phát triển kinh tế - xã hội.

..... (1) thông báo Cục Quản lý xuất nhập cảnh xem xét cấp thẻ miễn thị thực đặc biệt.....(2)..... cho.... người nước ngoài là khách mời của .....(3) thuộc đối tượng ưu đãi nhập cảnh Việt Nam.

Số TT	Họ tên (chữ in hoa)	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Quốc tịch		Số, loại hộ chiếu	Chức vụ/nghề nghiệp	Thời gian đề nghị miễn thị thực (4)	Ghi chú (5)
				Gốc	Hiện nay				
1									
2									
...									

Đề nghị Cục Quản lý xuất nhập cảnh (Bộ Công an) thông báo kết quả giải quyết cho..... (1)..... qua.....(6).....

Nơi nhận:

Thủ trưởng cơ quan/tổ chức
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ đóng dấu)

.....

Ghi chú:

(1) Ghi tên cơ quan, tổ chức.

(2) Ghi rõ hình thức thẻ miễn thị thực đặc biệt (dạng điện tử hoặc dạng cứng có gắn chíp).

(3) Ghi tên, chức vụ người mời.

(4) Ghi rõ đề nghị được miễn thị thực nhập cảnh Việt Nam từ ngày.../.../... đến ngày.../.../.... đối với từng trường hợp.

(5) Trường hợp đề nghị cấp thẻ miễn thị thực đặc biệt dạng cứng có gắn chíp, ghi rõ thông tin về ngày nhập cảnh gần nhất, thời hạn tạm trú và địa chỉ tạm trú hiện nay của người nước ngoài).

(6) Ghi cụ thể hình thức nhận thông báo (trực tiếp hoặc trên môi trường điện tử).

Mẫu NA-02. Văn bản đề nghị của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền về việc xem xét cấp thẻ miễn thị thực đặc biệt cho người nước ngoài thuộc đối tượng ưu đãi nhập cảnh Việt Nam

.....(1)
Trụ sở tại:.....
Điện thoại:.....
Địa chỉ email:.....
Số:.....
V/v đề nghị cấp thẻ miễn thị thực đặc biệt cho người nước ngoài thuộc đối tượng ưu đãi nhập cảnh Việt Nam

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm .....

Kính gửi: **CỤC QUẢN LÝ XUẤT NHẬP CẢNH (BỘ CÔNG AN)**

Căn cứ quy định tại Nghị định số...../NĐ-CP ngày..... của Chính phủ về việc miễn thị thực có thời hạn cho người nước ngoài thuộc diện đối tượng đặc biệt cần ưu đãi phục vụ phát triển kinh tế - xã hội.

..... (1) đề nghị Cục Quản lý xuất nhập cảnh xem xét cấp thẻ miễn thị thực đặc biệt.....(2)..... cho.... người nước ngoài thuộc đối tượng ưu đãi nhập cảnh Việt Nam.

Số TT	Họ tên (chữ in hoa)	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Quốc tịch		Số, loại hộ chiếu	Thuộc đối tượng ưu đãi (3)	Đảm bảo tiêu chí (4)	Thời gian đề nghị miễn thị thực (5)	Ghi chú (6)
				Gốc	Hiện nay					
1										
2										
...										

Đề nghị Cục Quản lý xuất nhập cảnh (Bộ Công an) thông báo kết quả giải quyết cho..... (1)..... qua.....(7).....

Nơi nhận:
.....

Thủ trưởng cơ quan/tổ chức
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ đóng dấu)

Ghi chú:
(1) Ghi tên cơ quan, tổ chức.
(2) Ghi rõ hình thức thẻ miễn thị thực đặc biệt (dạng điện tử hoặc dạng cứng có gắn chíp).
(3), (4) Ghi cụ thể, chi tiết thông tin về đối tượng ưu đãi, tiêu chí (Ví dụ: chức danh, chức vụ, tên tập đoàn, doanh nghiệp; tên tổ chức quốc tế công bố danh sách; tên giải thưởng quốc tế người nước ngoài đạt được...).
(5) Ghi rõ đề nghị được miễn thị thực nhập cảnh Việt Nam từ ngày.../.../... đến ngày.../..../.... đối với từng trường hợp.
(6) Trường hợp đề nghị cấp thẻ miễn thị thực đặc biệt dạng cứng có gắn chíp, ghi rõ thông tin về ngày nhập cảnh gần nhất, thời hạn tạm trú và địa chỉ tạm trú hiện nay của người nước ngoài).
(7) Ghi cụ thể hình thức nhận thông báo (trực tiếp hoặc trên môi trường điện tử).

Mẫu NB-01. Thông báo cơ quan, tổ chức về việc cấp thẻ miễn thị thực đặc biệt dạng điện tử cho người nước ngoài thuộc đối tượng ưu đãi nhập cảnh Việt Nam

BỘ CÔNG AN **CỤC QUẢN LÝ XUẤT NHẬP CẢNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /.....	..... *ngày..... tháng..... năm.....*
V/v cấp thẻ miễn thị thực đặc biệt dạng điện tử cho người nước ngoài thuộc diện ưu đãi nhập cảnh Việt Nam	

Kính gửi:..... (1).....

Trả lời.....(2)....., ngày..... tháng..... năm..... của.....(1)..... về việc đề nghị xem xét cấp thẻ miễn thị thực đặc biệt cho..... người nước ngoài thuộc đối tượng ưu đãi nhập cảnh Việt Nam, Cục Quản lý xuất nhập cảnh có ý kiến như sau:

1/ Đồng ý cấp thẻ miễn thị thực đặc biệt cho..... người nước ngoài có tên sau đây: (3)

STT	Họ và tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Quốc tịch	Số hộ chiếu	Số thẻ miễn thị thực đặc biệt	Thời hạn miễn thị thực đặc biệt
1							
.....							

Đề nghị cơ quan, tổ chức thông báo cho người nước ngoài có tên tại mục 1 truy cập..... để nhận thẻ miễn thị thực đặc biệt dạng điện tử.

2/ Ý kiến khác: (4)

Nơi nhận: - Như trên; - Đơn vị kiểm soát xuất nhập cảnh tại cửa khẩu (5); - Lưu: VT,...	**CỤC TRƯỞNG**

.....

Ghi chú:

(1) Tên cơ quan, tổ chức đề nghị.

(2) Công văn số...

(3) Danh sách người nước ngoài được cấp thẻ miễn thị thực đặc biệt. Nếu có từ 01 đến 04 người thì in ngay danh sách; nếu có từ 05 người trở lên thì in danh sách vào tờ riêng và thêm dòng chữ "Danh sách kèm theo".

(4) + (5) Mục này không thể hiện trên công văn trả lời, chỉ khi có những vấn đề liên quan việc nhập cảnh của người nước ngoài hoặc liên quan, tổ chức đề nghị thì mới in mục này.

Mẫu NC-01. Thẻ miễn thị thực đặc biệt dạng điện tử

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM
THẺ MIỄN THỊ THỰC ĐẶC BIỆT
SPECIAL VISA EXEMPTION CARD
Số/ No: 01234567890123
HỌ TÊN ANGELA NGUYEN HOANG HANH NGUYEN GIỚI TÍNH Nữ/ Female
Full name Sex
NGÀY THÁNG NĂM SINH 06/07/2008
Date of birth
QUỐC TỊCH Mỹ/ American
Nationality
SỐ HỘ CHIẾU US01234567890 THỜI HẠN ĐẾN 24/09/2030
Passport number Date of expiry
ĐƯỢC NHẬP CẢNH VIỆT NAM NHIỀU LẦN
TỪ NGÀY 24/09/2025 ĐẾN NGÀY 24/08/2030
Is entitled to mutiple entries into Viet Nam from 24/09/2025 until 24/08/2030
MỖI LẦN NHẬP CẢNH TẠM TRÚ KHÔNG QUÁ 90 NGÀY
Duration of stay does not exceed 90 days for each entry
CỤC QUẢN LÝ XUẤT NHẬP CẢNH
Viet Nam Immigration Department

Thuyết minh:

- Thẻ miễn thị thực đặc biệt hình chữ nhật
- Nền của thẻ miễn thị thực đặc biệt được thiết kế hình ảnh mặt trống đồng màu vàng nhạt.
- Màu sắc của chữ "thẻ miễn thị thực đặc biệt/special visa exemption card" là màu đỏ, các chữ còn lại là màu đen

Mẫu NC-02 . Thẻ miễn thị thực đặc biệt dạng cứng có gắn chíp

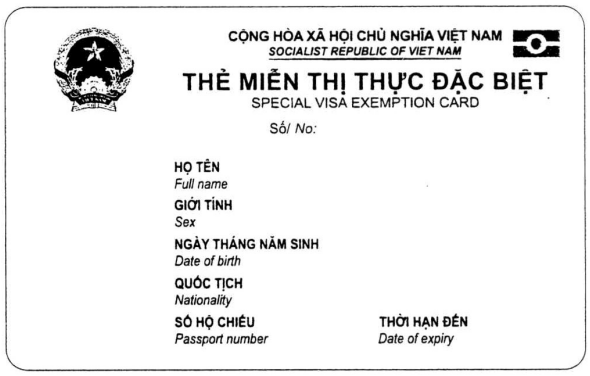

MẶT TRƯỚC

MẶT TRƯỚC CÁ THỂ HÓA

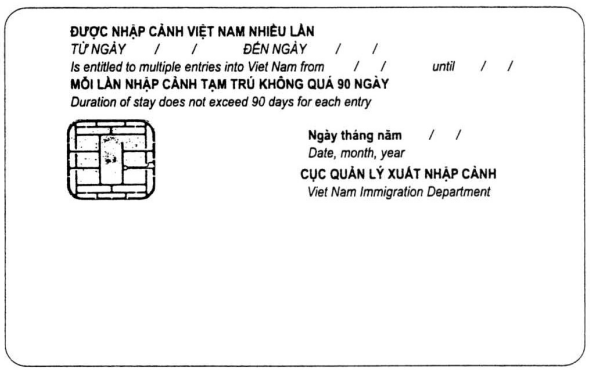

MẶT SAU

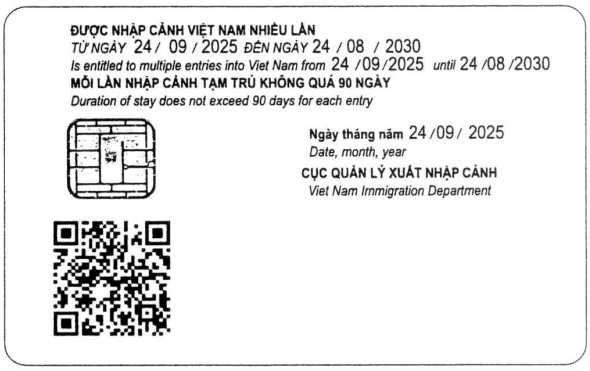

MẶT SAU CÁ THỂ HÓA

Thuyết minh:

- Thẻ miễn thị thực đặc biệt hình chữ nhật, chiều rộng 53,98mm, chiều dài 85,6mm, độ dày 0,76mm, 04 góc được cắt tròn với bán kính 3,18mm. Thẻ miễn thị thực đặc biệt được sản xuất bằng chất liệu nhựa.
- Hai mặt của thẻ miễn thị thực đặc biệt được thiết kế hình ảnh mặt trống đồng màu vàng nhạt.
- Hình Quốc huy nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và ảnh khuôn mặt của người được cấp thẻ miễn thị thực đặc biệt được in màu trực tiếp trên thẻ.
- Hình Quốc huy nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đường kính 12mm.
- Ảnh khuôn mặt của người được cấp thẻ kích thước 20mm x 30mm.
- Vị trí in mã QR kích thước 18mm x 18mm.
- Màu sắc của chữ "thẻ miễn thị thực đặc biệt/special visa exemption card" là màu đỏ, các chữ còn lại là màu đen
- Bộ phận lưu trữ thông tin trên thẻ miễn thị thực đặc biệt là mã QR và chíp điện tử được gắn ở mặt sau của thẻ.